

Số: 155/2020/QĐST-HNGĐ

Khoái Châu, ngày 17 tháng 8 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN
THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 178/2020/TLST – HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2020 về việc “Hôn nhân và gia đình”, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Ngọc H, sinh năm 1987.

Quê quán: Thôn C, xã T, huyện B, tỉnh H; HKTT: Thôn Y, xã V, huyện K, tỉnh H.

2. Bị đơn: Anh Phan Văn N, sinh năm 1986.

HKTT, trú tại: Thôn Y, xã V, huyện K, tỉnh H.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Cháu Phan Thị Thu H, sinh ngày 16/9/2009;

3.2. Cháu Phan Thị Phương T, sinh ngày 02/01/2011;

3.3. Cháu Phan Trung K, sinh ngày 07/7/2013.

Đều trú tại: Thôn Y, xã V, huyện K, tỉnh H.

Người giám hộ cho cháu H, cháu T và cháu K là anh Phan Văn N và chị Trần Ngọc H (bố, mẹ đẻ của các cháu).

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của BLTTDS năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 8 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07/8/2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Ngọc H và anh Phan Văn N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị H và anh N khẳng định có 03 con chung, cháu lớn tên là Phan Thị Thu H, sinh ngày 16/9/2009; cháu thứ hai là Phan Thị Phương T, sinh ngày 02/01/2011 và cháu thứ ba là Phan Trung K, sinh ngày 07/7/2013. Hiện cả ba cháu đang sống cùng anh N. Chị H và anh N thống nhất: Khi ly hôn giao cả ba cháu (H, T và K) cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc kể từ ngày 07/8/2020 cho đến khi các cháu (H, T và K) trưởng thành đủ 18 tuổi. Việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung hai bên thống nhất: Không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét giải quyết nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

Sau khi ly hôn chị H có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở theo quy định của pháp luật.

2.2. Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác nông nghiệp và công sức đóng góp xây dựng của vợ chồng đối với hai bên gia đình: Không đặt ra giải quyết.

2.3. Về án phí:

- *Án phí ly hôn sơ thẩm:* Chị H và anh N thống nhất để chị H nộp cả 150.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Được đối trừ số tiền 300.000đ dự phí mà chị H đã nộp theo biên lai thu số 0002314 ngày 22/7/2020 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K nên hoàn trả cho chị H 150.000đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã V;
- CCTHADS huyện K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

PHẠM VĂN HUẤN

